|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.1 | |
| **Use-case name:** | Add Reminder Task | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Thêm task muốn được nhắn nhở | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng click vào "More Actions" bên phải task muốn remind. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "Remimd this task". |  |
|  | 4. Hệ thống ghi nhận reminder cho task đó |
| **Alternative Paths:** | Không có | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Sau khi ấn vào "Add Reminder Task" trong More Actions của task thì task sẽ được đánh dấu reminder | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn nhắc nhở về Task | |
| **Pre-condition:** | Phải có task muốn nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ nhắc nhở người dùng | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.2 | |
| **Use-case name:** | Set Time | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Cài đặt thời gian nhắc nhở cho task | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấn vào "More Actions" bên phải task muốn reminder. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "Remider this task". |  |
|  | 4. Hệ thống ghi nhận reminder cho task đó |
| 5. Người dùng cài đặt thời gian nhắc nhở cho task. |  |
|  | 6. Hệ thống sẽ ghi nhận thời gian nhắc nhở |
| **Alternative Paths:** | Không có. | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Sau khi cài đặt thời gian cho hệ thống thì hệ thống sẽ nhắc nhở dựa trên thời gian đã cài đặt | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn nhắc nhở vào thời điểm cụ thể | |
| **Pre-condition:** | Phải có task muốn nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ nhắc nhở người dùng đúng thời gian được cài đặt | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.2.2 | |
| **Use-case name:** | Set Time (period of time) | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Cài đặt thời gian nhắc nhở cho task | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng click vào "More Actions" bên phải task muốn reminder. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "Remider this task". |  |
|  | 4. Hệ thống ghi nhận reminder cho task đó |
| 5. Người dùng cài đặt thời gian theo khoảng thời gian nhắc nhở (period of time) cho task. |  |
|  | 6. Hệ thống sẽ ghi nhận thời gian nhắc nhở |
| **Alternative Paths:** | Không có | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Sau khi cài đặt thời gian cho hệ thống thì hệ thống sẽ nhắc nhở dựa trên thời gian đã cài đặt | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn nhắc nhở vào sau những khoảng thời gian cụ thể | |
| **Pre-condition:** | Phải có task muốn nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ nhắc nhở người dùng đúng thời gian được cài đặt | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.2.1 | |
| **Use-case name:** | Set Time (point of time) | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Cài đặt thời gian nhắc nhở cho task | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng click vào "More Actions" bên phải task muốn reminder. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "Remider this task". |  |
|  | 4. Hệ thống ghi nhận reminder cho task đó |
| 5. Người dùng cài đặt thời gian theo thời điểm nhắc nhở (point of time) cho task |  |
|  | 6. Hệ thống sẽ ghi nhận thời gian nhắc nhở |
| **Alternative Paths:** | Không có | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Sau khi cài đặt thời gian cho hệ thống thì hệ thống sẽ nhắc nhở dựa trên thời gian đã cài đặt | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn nhắc nhở vào thời điểm cụ thể | |
| **Pre-condition:** | Phải có task muốn nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ nhắc nhở người dùng đúng thời gian được cài đặt | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.3 | |
| **Use-case name:** | View Reminder List | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Xem danh sách các task được nhắc nhở | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng click vào "More Actions" bên phải Project muốn reminder. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "View Reminded Task". |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh sách các task nhắc nhở |
| **Alternative Paths:** | Không có | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Người dùng xem danh sách dựa trên "More Actions" của Project và xem được danh sách các task nhắc nhở | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn xem các task được nhắc nhở | |
| **Pre-condition:** | Phải có task nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các task được nhắc nhở | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.4 | |
| **Use-case name:** | View History | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Xem các task đã được nhắc nhở | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng click vào "More Actions" bên phải Project muốn reminder. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "View History Reminder". |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị danh sách các task đã nhắc nhở |
| **Alternative Paths:** | Người dùng có thể xem các task đã nhắc nhở bằng thanh tìm kiếm | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Người dùng xem danh sách dựa trên "More Actions" của Project và xem được danh sách các task nhắc nhở | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn xem lịch sử các task đã nhắc nhở | |
| **Pre-condition:** | Phải có task nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ hiển thị danh sách lịch sử sử dụng reminder | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.5 | |
| **Use-case name:** | Delete Reminder Task | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Gỡ nhắc nhở cho task đang được đánh dấu | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng click vào "More Actions" bên phải task muốn remind. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị danh sách các action. |
| 3. Người dùng click vào "Remove Remind this task". |  |
|  | 4. Hệ thống ghi nhận remove reminder cho task |
| **Alternative Paths:** | Task đã được nhắc nhở thì tự động hủy nhắc nhở | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Người dùng gỡ nhắc nhở bằng thao tác trong "More Actions" của task và hệ thống sẽ gỡ nhắc nhở của task đó | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn gỡ nhắc nhở cho task | |
| **Pre-condition:** | Phải có task nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ gỡ nhắc nhở cho task được chọn | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.6 | |
| **Use-case name:** | Set Notification | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Cài đặt thông báo về reminder | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng vào setting của phần mềm. |  |
|  | 2. Hệ thống sẽ hiển thị các mục setting. |
| 3. Người dùng vào mục "Notification Setting" |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị các mục thông báo |
| 5. Người dùng chỉnh sửa các loại thông báo về reminder (những project sẽ được thông báo, thông báo ở đâu, ...) |  |
|  | 6. Hệ thống ghi nhận thay đổi cài đặt thông báo |
| **Alternative Paths:** | Không có | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Người dùng thay đổi cách thức thông báo reminder trong mục setting | |
| **Triggers:** | Người dùng cài đặt thông báo về reminder | |
| **Pre-condition:** | Phải có task nhắc nhở | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ nhắc nhở dựa trên cài đặt thông báo | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 7.7 | |
| **Use-case name:** | Set Sending Email Option | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Sumary:** | Cài đặt lựa chọn gửi email | |
| **Basic Course of Event:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng vào setting của phần mềm. |  |
|  | 2. Hệ thống sẽ hiển thị các mục setting. |
| 3. Người dùng vào mục "Notification Setting" |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị các mục thông báo |
| 5. Người dùng lựa chọn thông báo qua email hay không và gửi qua email nào |  |
|  | 6. Hệ thống ghi nhận thay đổi cài đặt thông báo |
| **Alternative Paths:** | Không có | |
| **Exception Paths:** | Có xảy ra lỗi trong quá trình Reminder của hệ thống | |
| **Extension Points:** | Người dùng thay đổi cách thức thông báo qua email của reminder trong mục setting | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn cài đặt thông báo reminder qua email | |
| **Pre-condition:** |  | |
| **Post-condition:** | Hệ thống sẽ nhắc nhở qua email dựa trên cài đặt thông báo | |